TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/DS-PT
Ngày 29-5-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vỹ
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Bà Nguyễn Thị Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 311/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2024/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961.
Địa chỉ: tổ 4, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*
1. Ông Tăng Minh T2 (C), sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).
2. Ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 31, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Ông Lê Minh H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Trước đây ông Đ không quen nhưng có biết bà Nguyễn Thị Phương T. Bà T là chủ nhà máy sấy lúa ở ấp Đ, xã A, huyện L. Ông Đ có quen biết bà Nguyễn Thị Phương T1 ở khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, có số điện thoại là 09……..18. Ông Đ biết bà T1 là em ruột của bà T. Trước đây ông Đ thường xuyên bán lúa cho bà T1 từ năm 2005 đến năm 2022, mỗi năm bán lúa cho bà T1 3 lần và bà T1 đã thanh toán tiền đầy đủ.

Sáng ngày 30-8-2022, theo thường lệ khi bán lúa, ông Đ gọi điện thoại cho bà T1 để bà T1 đến ruộng lúa của ông Đ ở ấp P, xã T, huyện L mua, bà T1 đồng ý. 8 giờ sáng cùng ngày, một người làm công của bà T1 (ông Đ không quen) mang bao đựng lúa đến ruộng lúa của ông Đ rồi về. Đến 11 giờ, khi ông Đ đựng hết lúa cần bán vào bao và gọi điện thoại cho bà T1 đến lấy thì bà T1 trả lời "An tâm đi, xe đến liền". Tuy nhiên, khoảng 15 phút sau thì ông Đ thấy xe chở lúa đến nhưng không phải là xe của bà T1 mà là xe khác (2 bên hông cửa xe buồng lái đều có dán chữ lớn "*Nguyễn Thị Phương T*" phía trên và số điện thoại bên dưới (ông Đ không nhớ số điện thoại này). Xe có 1 tài xế và 2 người làm công (ông Đ không quen). Khi xuống xe, hai người làm công hỏi "*Lúa này có phải bán cho bà T1 không?*", ông Đ trả lời "*Đúng*" thì hai người làm đều nói "*Lúa này là bà Nguyễn Thị Phương T mua nha. Bà T1 bận việc nên không mua và giới thiệu bà T mua; ba người chúng tôi đều là người làm công của bà T, nay đến cân lúa và nhận lúa mua thay cho bà T*". Nghe hai người này nói vậy nên ông Đ đồng ý cho họ cân lúa và chở mang về cho bà T. Khoảng 12 giờ thì ba người này cân lúa xong và chở đi.

Tổng số lúa bán ngày hôm đó là 3.568kg lúa tươi, giống lúa OM-18, giá bán là 5.500 đồng/kg, thành tiền là 19.624.000 đồng, trừ tiền công bốc cân là 138.000 đồng (công mỗi bao là 2.000 đồng x 69 bao) nên tổng số tiền ông Đ bán lúa là 19.486.000 đồng. Từ đó đến nay, bà T chưa trả tiền cho ông Đ.

Đến khoảng 8 giờ 45 phút ngày 01-9-2022, ông Đ đến nhà máy sấy lúa của bà T ở ấp Đ, xã A để lấy tiền bán lúa thì bà T trả lời: "*Nay nghỉ lễ 2-9, bạn hàng chưa chuyển tiền cho cháu, hẹn chú qua lễ thì qua nhà cháu nhận tiền*" nên ông Đ đi về.

Đến ngày 09-9-2022, ông Đ quay lại nhà máy sấy lúa của bà T để nhận tiền thì không gặp được bà T, nên ông Đ gọi hỏi bà T1 và xin được số điện thoại của bà T là 09…….57. Khi ông gọi cho bà T thì bà T trả lời "*Hẹn chú đúng 09 giờ 00 phút ngày 12-9-2022 đến nhà nhận tiền vì cháu đang ở Thành phố Hồ Chí Minh*".

Đúng 09 giờ ngày 12-9-2022, ông Đ quay lại nhà bà T để nhận tiền thì không

gặp bà T, ông gọi điện thoại cho bà T thì bà T không trả lời điện thoại. Ông Đ chờ đến 11 giờ cùng ngày cũng không gặp được bà T. Từ đó đến nay, ông Đ gọi cho bà T nhiều lần nhưng bà T đều không nghe máy.

Khoảng 07 giờ ngày 20-12-2022, bà T1 có điện thoại cho ông Đ nói với nội dung tóm tắt như sau: Tiền lúa tổng số là 19.486.000 đồng, bà T đã gửi cho bà T3 (là mẹ ruột của bà T và bà T1), bà T3 đã nhận và đã đưa lại cho bà T1, nên hiện bà T1 đang giữ. Đến 08 giờ 11 phút cùng ngày, bà T1 nhắn tin cho ông Đ bằng số điện thoại 09…….18 có nội dung: "*Giờ con đi cân lúa chiều tối con mang tiền qua cho chú, chú nhận thì con cám ơn nhiều lỗi cũng do con chú trách sao cũng được chú tin tưởng con mà con lại vô ý, con cho mượn trả thì được rồi chị con lại làm lơ nhờ chú nói ngoài ruộng mới gởi nhà má con thành thật xin lỗi chú*". Và từ đó đến nay ông Đ không thấy bà T1 mang tiền đến trả. Ông Đ không biết bà T1 nói thật hay không.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T trả cho ông Đ 19.486.000 đồng tiền bán lúa ngày 30-8-2022, không yêu cầu bà T trả tiền lãi chậm trả.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Bà T khẳng định không quen biết ông Nguyễn Văn Đ. Đến thời điểm hiện tại, bà T chưa từng gặp ông Đ, chưa từng nói chuyện, không biết mặt ông Đ ra sao. Giữa bà T và ông Đ không có bất cứ thỏa thuận, giao dịch nào. Bà T không mua lúa, nhận lúa của ông Đ ngày 30-8-2022.

Ông Đ khai ngày 01-9-2022 đến nhà máy gặp bà T và được bà T hẹn qua lễ 2-9 trả tiền là không đúng và không có thật.

Hiện tại, bà T chỉ có 1 con gái đang sinh sống, học tập tại Nhật Bản, điều này mọi người sống trong khu vực đều biết nên ông Đ nói bà T hẹn vì bận đưa con đi học tại Thành phố Hồ Chí Minh là vô lý. Bà T chỉ mua lúa với chủ lúa quen biết hoặc thông qua sự giới thiệu, đồng thời vì sợ lừa gạt nên bà T chỉ nghe điện thoại những số có lưu trong danh bạ, thông qua ứng dụng Zalo hoặc số được giới thiệu. Cho nên ông Đ nói được bà T hẹn khi liên hệ bằng điện thoại là không đúng sự thật.

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, những người hàng xóm xung quanh và bạn hàng cho bà T biết là ông Đ nhiều lần nói với mọi người xung quanh là bà T giật tiền lúa của ông và nói sai sự thật gây ra dư luận xấu về bà T. Việc bà T không quen biết ông Đ nhưng bị vu khống, khởi kiện gây mất thời gian, danh dự của bà T, làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh, làm cho tinh thần của bà T bị ảnh hưởng.

Nay, bà T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc buộc bà T trả cho ông Đ 19.486.000 đồng tiền bán lúa ngày 30-8-2022; buộc ông Đ phải công khai xin lỗi bà T trên Đài truyền thanh huyện L và buộc ông Đ bồi thường thiệt hại về vật chất và tinh thần cho bà T theo yêu cầu của bà T đã nêu tại Đơn Phản tố ngày 15-5-2023.

Bà T xác nhận bà chỉ có 1 chiếc xe tải biển số 72C-1….3 để đi chở lúa mua

và có cho người khác (người mua lúa) thuê để đi chở lúa mua; anh C (bà T ko rõ họ tên) có làm tài xế chạy xe tải biển số 72C-1….3 để đi chở lúa mua cho bà T khoảng vài năm gần đây.

Người làm chứng ông Phạm Hoàng N trình bày:

Ông quen biết ông Nguyễn Văn Đ đã hơn 10 năm và ông Đ có ruộng lúa sát bên ruộng lúa của gia đình ông N ở ấp P, xã T, huyện L.

Ông N có quen biết với bà Nguyễn Thị Phương T do gia đình ông N đã bán lúa cho bà T từ khoảng năm 2017, 2018 đến nay. Mỗi năm gia đình ông N bán lúa cho bà T 3 vụ nhưng lúa bán này là nằm ở ruộng lúa thuộc xã A, huyện L (gia đình ông N có 2 ruộng lúa). Mỗi lần gia đình ông N bán lúa cho bà T thì ông N đều trao đổi với bà T qua số điện thoại 09……..7. Sau khi trao đổi qua điện thoại xong thì bà T kêu người làm công đưa xe tải đến ruộng lúa của gia đình ông N ở xã A và cân lúa do ông N trực tiếp đại diện bán. Sau tất cả các lần mua bán lúa xong thì bà T đều trả tiền đủ cho mẹ ông N (ông N đại diện bán, mẹ ông N đại diện nhận tiền bán lúa).

Theo thường lệ, ruộng lúa của gia đình ông N ở ấp P, xã T thì ông N là người đại diện bán lúa cho bà Nguyễn Thị Phương T1 (là em ruột bà T). Sáng ngày 30-8-2022, ông N gọi điện thoại cho bà T1 để bà T1 đến ruộng lúa của gia đình ông N ở ấp P, xã T mua. Bà T1 đồng ý mua và khoảng 8 giờ sáng thì một người làm công của bà T1 mang bao đựng lúa đến đặt gần ruộng lúa của ông N rồi về. Đến 11 giờ cùng ngày, khi ông N đựng hết lúa cần bán vào bao và gọi cho bà T1 thì bà T1 trả lời "*Xe đang qua*". Tuy nhiên, khoảng 15 phút sau thì xe chở lúa đến nhưng không phải là xe của bà T1 mà là xe của bà Nguyễn Thị Phương T (ông N biết rõ là xe của bà T vì ông N đã bán lúa cho bà T nhiều năm và xe bà T có dán chữ lớn "*Nguyễn Thị Phương T*"), xe có 1 tài xế và 2 người làm công (ông N đều không quen). Khi xuống xe, hai người làm công hỏi "*Lúa này có phải bán cho bà T1 không?*", ông N trả lời "*Đúng*" thì hai người làm đều nói "*Lúa này là bà Nguyễn Thị Phương T mua nha. Bà T1 bận việc nên không mua. Ba người chúng tôi đều là người làm công của bà T, nay đến cân lúa và nhận lúa mua thay cho bà T*". Nghe hai người làm công nói vậy nên ông N đồng ý cho họ cân và chở lúa mang về nhà máy cho bà T. Khoảng 12 giờ cùng ngày, ba người này cân lúa xong và chở đi. Tổng số lúa ông N bán ngày hôm đó là hơn 1.000 kg lúa tươi, giống lúa "Dẻo bầu", giá bán là khoảng 5.200 đến 5.300 đồng/kg, thành tiền khoảng hơn 5.000.000 đồng (đã trừ tiền công bốc cân mỗi bao là 2.000 đồng x 21 bao).

Ngày 30-8-2022, ông N bán lúa cùng thời điểm với ông Đ và chứng kiến toàn bộ việc ông Đ bán lúa cho bà T đúng như diễn biến ông N vừa nêu trên. Ba người làm công của bà T đến ruộng lúa của gia đình ông N và ông Đ cân lúa xong thì đều chất lên chiếc xe tải của bà T mà ông N vừa nêu trên. Ông N biết rõ vì khi cân lúa thì ông N và ông Đ cùng đứng quan sát ba người làm công của bà T cân lúa để chất lên xe. Ông N biết ông Đ bán lúa cho bà T khoảng hơn 3.500kg lúa tươi, giống lúa OM-18, giá bán là 5.500 đồng/kg, nên thành tiền là khoảng hơn 19.000.000 đồng sau khi trừ tiền công bốc cân (lúa bán của ông Đ được 69 bao,

mỗi bao hơn 50kg nên ông N biết ông Đ bán được hơn 3.500kg).

Khoảng 2-3 tuần sau (kể từ ngày 30-8-2022) thì gia đình ông N đã nhận được tiền bán lúa từ bà T. Mẹ ông N là người đại diện nhận tiền.

Cha mẹ ruột ông N là ông Phạm Văn T4 và bà Nguyễn Dương Thị Dạ T5, ở cùng địa chỉ với ông N. Vì gia đình ông N có làm ăn với bà T nên cha mẹ ông N và ông ngoại ông N từ chối đến Tòa để trình bày làm chứng về nội dung vụ án này.

Người làm chứng là ông Tăng Minh T2 trình bày:

Ông T2 là tài xế lái xe chở lúa của bà Nguyễn Thị Phương T khoảng 5-6 năm gần đây. Ông T2 biết bà T chỉ có 1 chiếc xe chở lúa biển số 72C-1….3 (xe tải hiệu Kia khoảng 3,8 tấn). Ông T2 đã chạy chiếc xe này nhiều lần vào vụ lúa hàng năm do bà T trực tiếp thuê ông T2 chạy đi mua lúa. Bên hông 2 cửa xe này đều có dán dòng chữ "*Nguyễn Thị Phương T*" phía trên và số điện thoại 09…….7 của bà T sát bên dưới. Ông T2 có tên gọi khác là C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2023/DS-PT ngày 27-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ:

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T trả cho ông Nguyễn Văn Đ 19.486.000 đồng tiền mua lúa ngày 30-8-2022.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền lãi của ông Nguyễn Văn Đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09-11-2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc buộc bà Nguyễn Thị Phương T trả cho ông Nguyễn Văn Đ 19.486.000 đồng tiền mua lúa ngày 30-8-2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà T nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo

quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] *Về tư cách tố tụng của bà Nguyễn Thị Phương T1*:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đều khai bà Nguyễn Thị Phương T1 là người thỏa thuận mua lúa của ông Đ vào ngày 30-8-2022. Sau khi mua bán lúa thì bà T1 cũng gọi điện và nhắn tin xác nhận với nguyên đơn là đã nhận tiền mua lúa từ bà T và sẽ giao trả cho ông Đ. Còn bị đơn bà T khai ngày 30-8-2022, bà T1 có thông báo với bà T đưa xe ra ruộng ông Đ để chở lúa mà bà T1 đã mua trước đó, bán lại cho bà T. Bị đơn đã thanh toán hết tiền mua lúa ngày 30-8-2022 cho bà T1, còn số tiền đó bà T1 sử dụng vào việc gì thì bà hoàn toàn không biết.

Vì vậy, bà T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, không phải là người làm chứng như cấp sơ thẩm xác định. Để khắc phục sai sót trên của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm đã đưa bà Nguyễn Thị Phương T1 làm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và triệu tập hợp lệ bà T1 tham gia phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, bà T1 không nhận văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bà T1.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn*:

[2.1] Bị đơn kháng cáo cho rằng: Bà T hoàn toàn không quen biết, chưa từng gặp và thỏa thuận mua bán lúa với ông Đ. Ngày 30-8-2022, bà T không mua lúa của ông Đ mà chỉ mua lúa của bà T1 và đã thanh toán tiền xong cho bà T1. Bà T cũng không bao giờ nói chuyện điện thoại và hứa hẹn trả tiền cho ông Đ như lời khai của ông Đ. Do vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền mua lúa là hoàn toàn không có căn cứ, đề nghị bác yêu cầu của ông Đ (Bl 45-48).

[2.2] Còn ông Đ trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đều khai: Từ trước đến nay ông chỉ bán lúa cho bà Nguyễn Thị Phương T1, chưa bao giờ bán lúa cho bà T nên không quen biết bà T. Ngày 30-8-2022, ông gọi điện thoại và thỏa thuận việc mua bán lúa với bà Nguyễn Thị

Phương T1. Bà T1 đồng ý mua lúa của ông và sau đó cho người làm mang bao đựng lúa đến ruộng lúa của ông. Sau khi ông Đ đóng lúa vào bao cũng gọi điện báo cho bà T1 đến chở lúa. Ông Đ thừa nhận ngày 30-8-2022, ông không gọi điện thoại và thỏa thuận việc mua bán lúa với bà T, không trực tiếp giao lúa cho bà T. Sở dĩ ông yêu cầu bà T trả tiền mua lúa cho ông là vì ông nghe 03 người đến chở lúa nói họ là người làm của bà T và bà T là người mua lúa, còn bà T1 bận nên không mua, đồng thời ông Đ cũng thấy trên xe tải chở lúa có dán tên và số điện thoại của bà Nguyễn Thị Phương T, nên ông nghĩ bà T là người mua lúa của ông hôm đó (Bl 20-21 và 29-30).

[2.3] Xét, ngoài lời khai của chính mình, ông Đ không có chứng cứ nào khác chứng minh giữa ông và bà T có thỏa thuận mua bán lúa vào ngày 30-8-2022, bà T không thừa nhận việc này. Ông Đ không cung cấp được họ tên, địa chỉ của ba người làm công của bà T đến chở lúa tại ruộng lúa của ông Đ vào ngày 30-8-2022. Những người làm chứng ông Phạm Hoàng N, ông Tăng Minh T2 và ông Lê Minh H cũng không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận mua bán lúa giữa ông Đ và bà T, mà chỉ thấy sự việc xe tải có tên bà T đến chở lúa mua của ông Đ vào ngày 30-8-2022. Do vậy, không có căn cứ để xác định vào ngày 30-8-2022, bà T có mua lúa của ông Đ; việc ông Đ khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán tiền mua lúa của ông vào ngày 30-8-2022 với số tiền 19.486.000 đồng là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là không đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và không áp dụng đúng quy định pháp luật.

[2.4] Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của bà T, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.5] Đối với bà Nguyễn Thị Phương T1: Bà T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không cung cấp lời khai về việc ông Đ khởi kiện bà T, nhưng từ lời khai của ông Đ, bà T (là chị ruột của bà T1) và ông Phạm Hoàng N, có thể thấy vào ngày 30-8-2022, giữa ông Đ và bà T1 có thỏa thuận về việc mua bán lúa qua điện thoại. Việc xe tải của bà T đến chở lúa của ông Đ là do bà T1 bán lại số lúa bà mua của ông Đ cho bà T và nhờ bà T đến chở giùm bà T1. Tuy nhiên, trong vụ án này ông Đ chỉ khởi kiện đối với bà T, không có yêu cầu gì đối với bà T1 nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp các bên không thỏa thuận được với nhau thì ông Đ có quyền khởi kiện bà T1 trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.6] Đối với yêu cầu phản tố của bà T: Cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bà T vì cho rằng bà T nộp đơn phản tố sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T không kháng cáo đối với nội dung này nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[3] *Về án phí*:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T, sửa bản án sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 200, Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T trả số tiền 19.486.000 (mười chín triệu, bốn trăm tám mươi sáu ngàn) đồng tiền bán lúa ngày 30-8-2022.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T trả tiền lãi trên số tiền gốc nêu trên.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ do là người cao tuổi.

Bà Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp, theo biên lai thu tiền số 002674 ngày 09-11-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (29-5-2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND H. L, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. L, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. L, tỉnh BR-VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

Cao Minh Vỹ